

Bản án số: 814/2022/KDTM-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v: “*tranh chấp hợp đồng
thi công xây dựng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phi Trung.

2. Ông Lữ Hà Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 224/2022/TLST-KDTM ngày 05 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2022/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 8 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 130/2022/QĐHPT-KDTM ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng PT.

Trụ sở: đường số X, khu dân cư Y, xã Z, huyện V, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền ông Dương Quốc A, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: số N đường M, phường P, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 08/2022/PT-GUQ ngày 10/3/2022).

Bị đơn: Công ty TNHH SX LP.

Trụ sở: Số Q, đường R, Phường K, quận N, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1959

Đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tấn C, sinh năm 1985.

(Giấy ủy quyền số công chứng 010236, quyền số 103/2022 TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 28/6/2022, tại Văn phòng công chứng Đông Thành phố).
(Ông C, bà P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2022 của Công ty Cổ phần Xây dựng PT và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Dương Quốc A trình bày:

Công ty Cổ phần Xây dựng PT (Nhà thầu thi công) (sau đây gọi tắt là Công ty PT) và Công ty TNHH SX LP (Chủ đầu tư) (sau đây gọi tắt là Công ty L) đã ký kết 02 Hợp đồng Thi công xây dựng thuộc Dự án SGA tại địa điểm phường G, quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

Ngày 09/02/2018, Công ty PT và Công ty L ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐTC-LP/2018 về việc thi công xây dựng gói thầu 02 “Thi công phần ngầm” (Sau đây được gọi tắt là Hợp đồng thi công phần ngầm). Giá trị của hợp đồng là 99.432.885.000 đồng. (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Ngày 22/06/2018, Công ty PT và Công ty L ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 06/HĐTC-LP/2018 về việc thi công xây dựng gói thầu 03 “Thi công bê tông cốt thép phần thân” (Sau đây được gọi tắt là hợp đồng thi công phần thân). Giá trị của hợp đồng là 230.735.119.038 đồng. (Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

Ngày 01/02/2019, Công ty PT, Công ty L và Công ty Cổ phần Kiểm định X (là Đơn vị Tư vấn giám sát) đã ký kết biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành công trình đối với gói thầu thi công phần ngầm.

Ngày 18/4/2019, Công ty PT và Công ty L đã ký hồ sơ quyết toán hợp đồng thi công phần ngầm.

Ngày 02/02/2021, Công ty PT và Công ty L đã ký biên bản xác nhận hoàn thành bảo hành hợp đồng thi công phần ngầm.

Ngày 06/06/2019, Công ty PT, Công ty L và Công ty Cổ phần Kiểm định X (là Đơn vị Tư vấn giám sát) đã ký biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành công trình đối với gói thầu thi công bê tông cốt thép phần thân.

Ngày 04/9/2019, Công ty PT và Công ty L đã ký hồ sơ quyết toán hợp đồng thi công bê tông cốt thép phần thân.

Ngày 07/6/2021, Công ty PT và Công ty L đã ký biên bản xác nhận hoàn thành bảo hành Hợp đồng thi công bê tông cốt thép phần thân.

Thực hiện 02 hợp đồng thi công xây dựng phần ngầm và thi công bê tông cốt thép phần thân thuộc Dự án SGA, Công ty PT đã hoàn thành đúng, đầy đủ toàn bộ nghĩa vụ của mình trong hợp đồng. Tuy nhiên, cho đến hiện nay, Công ty L đã không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty PT theo quy định trong 02 hợp đồng này.

Công ty PT đã nhiều lần gửi yêu cầu đề nghị thanh toán đến Công ty L về việc thanh toán công nợ. Tuy nhiên, Công ty L vẫn không thực hiện thanh toán đúng, đầy đủ toàn bộ công nợ cho Công ty PT cũng không có phản hồi bằng văn bản chính thức gửi Công ty PT về việc thanh toán công nợ.

Ngày 31/10/2021, Công ty PT và Công ty L ký biên bản đối chiếu công nợ. Theo đó, số tiền mà Công ty L còn phải thanh toán cho Công ty PT là 49.800.668.691 đồng. (Chưa bao gồm tiền lãi do chậm thanh toán).

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Công ty L thanh toán cho Công ty PT 600.000.000 đồng ngày 28/4/2022; 200.000.000 đồng ngày 24/6/2022.

Nay Công ty PT yêu cầu Công ty L phải thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đối với toàn bộ công nợ theo hợp đồng thi công phần ngầm số 01/HĐTC-LP/2018 ký ngày 09/02/2018 và hợp đồng thi công bê tông cốt thép phần thân số 06/HĐTC-LP/2018 ký ngày 22/06/2018 thuộc Dự án SGA, cụ thể như sau: lãi suất 8,5%/năm, tạm tính đến 27/9/2022 (đính kèm bảng tính lãi chậm thanh toán).

- Đối với hợp đồng thi công phần ngầm:

Số tiền phải thanh toán: 9.021.550.676 đồng (1)

Tiền lãi do chậm thanh toán: 1.951.287.345 đồng (2)

Số tiền phải thanh toán: (1) + (2) = 10.972.838.021 đồng [1]

- Đối với hợp đồng thi công bê tông cốt thép phần thân:

Số tiền phải thanh toán: 39.979.118.015 đồng (3)

Tiền lãi do chậm thanh toán: 9.927.593.453 đồng (4)

Số tiền phải thanh toán: (3) + (4) = 49.906.711.468 đồng [2]

Tổng số tiền của cả hai hợp đồng mà Công ty L phải thanh toán cho Công ty PT: [1] + [2] = 60.879.549.490 đồng.

Ngoài ra, Công ty L phải thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán tính đến ngày thực tế thanh toán đầy đủ cho Công ty PT.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại trụ sở Công ty và chỗ ở hiện tại của đại diện theo pháp luật Công ty nhưng đại diện theo pháp luật của Công ty L bà Nguyễn Thị P vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Dương Quốc A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Căn cứ hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐTC-LP/2018 về việc thi công xây dựng gói thầu 02 “Thi công phần ngầm” ngày 09/02/2018 và hợp đồng thi công xây dựng số 06/HĐTC-LP/2018 về việc thi công xây dựng gói thầu 03 “Thi công bê tông cốt thép phần thân” ngày 22/6/2018; biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2021 được ký giữa Công ty PT và Công ty L có cơ sở xác định vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ, nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán công nợ còn thiếu, tiền lãi và lãi phát sinh sau ngày xét xử, trả một lần là có cơ sở.

Căn cứ điều 50 và điều 306 Luật Thương mại năm 2005, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Dương Quốc A khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, đương sự không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐTC-LP/2018 về việc thi công xây dựng gói thầu 02 “Thi công phần ngầm” ngày 09/02/2018 và hợp đồng thi công xây dựng số 06/HĐTC-LP/2018 về việc thi công xây dựng gói thầu 03 “Thi công bê tông cốt thép phần thân” ngày 22/6/2018; biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/10/2021 được ký giữa Công ty PT và Công ty L có cơ sở xác định vụ kiện tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 27, ngày 29 tháng 5 năm 2020 Công ty TNHH SX LP địa chỉ trụ sở chính: Số Q, đường R, Phường K, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do bị đơn địa chỉ trụ sở tại quận N, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố, không đến Tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 28/6/2022 bị đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn C. Phiên tòa ngày 31/8/2022, 27/9/2022 ông Nguyễn Tấn C vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật, tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hợp đồng thi công phần ngầm ngày 09/02/2018 và hợp đồng thi công phần thân ngày 22/6/2018 được ký giữa Công ty PT và Công ty L để thi công Dự án SGA tại địa điểm phường G, quận Thủ Đức (nay là Thành phố Thủ Đức), Thành

phố Hồ Chí Minh. Hai bên đã ký biên bản nghiệm thu bàn giao hoàn thành công trình, hồ sơ quyết toán hợp đồng thi công, biên bản xác nhận hoàn thành bảo hành hợp đồng thi công của 02 hợp đồng nêu trên.

Ngày 31/10/2021, Công ty PT và Công ty L ký biên bản đối chiếu công nợ. Theo đó, số tiền mà Công ty L còn phải thanh toán cho Công ty PT đối với phần ngầm là 9.021.550.676 đồng; phần thân là 40.779.118.015 đồng. Tổng cộng là 49.800.668.691 đồng, (Chưa bao gồm tiền lãi do chậm thanh toán).

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xác nhận bị đơn đã thanh toán một phần phần thân cho nguyên đơn 600.000.000 đồng ngày 28/4/2022; 200.000.000 đồng ngày 24/6/2022.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn lại là 9.021.550.676 đồng + 39.979.118.015 đồng = 49.000.668.691 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về trả tiền lãi trên số tiền chậm trả, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn đề nghị buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả (tạm tính đến ngày 27/9/2022, lãi suất 8,5%/năm), cụ thể:

- Đối với hợp đồng thi công phần ngầm:

Số tiền phải thanh toán: 9.021.550.676 đồng (1)

Tiền lãi do chậm thanh toán: 1.951.287.345 đồng (2)

Số tiền phải thanh toán: (1) + (2) = 10.972.838.021 đồng [1]

- Đối với hợp đồng thi công bê tông cốt thép phần thân:

Số tiền phải thanh toán: 39.979.118.015 đồng (3)

Tiền lãi do chậm thanh toán: 9.927.593.453 đồng (4)

Số tiền phải thanh toán: (3) + (4) = 49.906.711.468 đồng [2]

Tổng số tiền của cả hai hợp đồng mà Công ty L phải thanh toán cho Công ty PT: [1] + [2] = 60.879.549.490 đồng.

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại; án lệ số 09/2016//AL về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của 03 Ngân hàng tại địa phương; căn cứ Điều 19.4 quy định phạt do chậm thanh toán Hợp đồng thi công phần ngầm, hợp đồng thi công phần thân quy định theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng Vietcombank theo kỳ hạn 01 năm; căn cứ công văn số 266/PNH-KT ngày 03/8/2022 của Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận, lãi suất cho vay doanh nghiệp ngắn hạn thông thường là 8%/năm, lãi suất cho vay trung và dài hạn là 10,5%/năm. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 8,5%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy, Công ty L ký biên bản đối chiếu công nợ với Công ty PT từ ngày 31/10/2021. Công ty L trả một phần tiền cho Công ty PT tháng 4 và tháng 6 năm 2022. Bị đơn đã không thực hiện

đúng, đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn theo quy định, dù Công ty PT đã nhiều lần gửi yêu cầu đề nghị thanh toán đến Công ty L về việc thanh toán công nợ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật có cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015,

Căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật thương mại;

Căn cứ án lệ số 09/2016/AL;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH SX LP phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Xây dựng PT:

Số tiền đối với hợp đồng thi công xây dựng số 01/HĐTC-LP/2018 về việc thi công xây dựng gói thầu 02 “Thi công phần ngầm” là 9.021.550.676 đồng (1); tiền lãi: 1.951.287.345 đồng (2). Số tiền phải thanh toán: (1) + (2) = 10.972.838.021 (Mười tỷ chín trăm bảy mươi hai triệu tám trăm ba mươi tám ngàn không trăm hai mươi một) đồng [1]

Số tiền đối với hợp đồng thi công xây dựng số 06/HĐTC-LP/2018 về việc thi công xây dựng gói thầu 03 “Thi công bê tông cốt thép phần thân” là 39.979.118.015 đồng (3); Tiền lãi: 9.927.593.453 đồng (4). Số tiền phải thanh toán: (3) + (4) = 49.906.711.468 (Bốn mươi chín tỷ chín trăm lẻ sáu triệu bảy trăm mười một ngàn bốn trăm sáu mươi tám) đồng [2]

Tổng số tiền của cả hai hợp đồng mà Công ty L phải thanh toán cho Công ty PT: [1] + [2] = 60.879.549.490 (Sáu mươi tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn bốn trăm chín mươi) đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất tại thời điểm

thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2/ Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty TNHH SX LP phải nộp án phí 168.879.549 (Một trăm sáu mươi tám triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi chín) đồng.

Công ty Cổ phần Xây dựng PT được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 360.799.000 (Ba trăm sáu mươi triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0029315 ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận N;
- CC THADS quận N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Kim Phụng